

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/3/2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**.

2. Ông **Phạm Văn Tài**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Quốc Tững** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Y**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1B, Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trà Văn H**, sinh năm 1971 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1B, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày:

Chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu lấy nhau về vợ chồng sống hạnh phúc, nên chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H đã có 03 con chung tên Trà Thị Kim Pha, sinh năm 1993; Trà Thị Kim Phe, sinh năm 1997 và cháu Trà Lê Thanh Phương, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2011. Tuy nhiên, từ năm 2011 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, nhiều lúc còn xảy ra xô sát dẫn đến gây thương tích cho nhau. Do đó vợ chồng đã hết tình cảm, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa nên chị Lê Thị Y xin ly hôn với anh Trà Văn H.

Về quan hệ con chung : Có 03 con chung tên Trà Thị Kim Pha, sinh năm 1993; Trà Thị Kim Phê, sinh năm 1997 và cháu Trà Lê Thanh Phương, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2011. Nay hai cháu Trà Thị Kim Pha, Trà Thị Kim Phê đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Trà Lê Thanh Phương còn nhỏ hiện nay đang ở với chị Y, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trà Lê Thanh Phương.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ : Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Lê Thị Y không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Trà Văn H tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/3/2021 anh H trình bày: Anh H thống nhất lời trình chị Y trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra từ năm 2011 và đã ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân nhau thì vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Do đó nay chị Y yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung : Vợ chồng có 03 con chung cháu Trà Thị Kim Pha, sinh năm 1993; Trà Thị Kim Phê, sinh năm 1997 và cháu Trà Lê Thanh Phương, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2011. Hiện nay hai cháu Trà Thị Kim Pha, Trà Thị Kim Phê đã lớn nên anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Trà Lê Thanh Phương chị

Lê Thị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh Trà Văn H cũng đồng ý giao con cho chị Lê Thị Y tiếp tục nuôi.

Về tài sản chung: Anh Trà Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Trà Văn H không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án NH định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn chị Lê Thị Y khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trà Văn H, yêu cầu nuôi con chung đây là tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trà Văn H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Trà Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trà Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Y, anh Trà Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới vào năm 1992, nhưng chị Y và anh H không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và đã có 03 con chung tên Trà Thị Kim Pha, sinh năm 1993; Trà Thị Kim Phê, sinh năm 1997 và cháu Trà Lê Thanh Phương, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2011. Tuy nhiên, đến đầu năm 2011 vợ chồng chị Y, anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi và đã ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay.

Do chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H không đăng ký kết hôn, cho nên pháp luật không công nhận chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H là vợ chồng. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện... việc kết hôn không

được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận chị Y và anh H là vợ chồng phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Trà Thị Kim Pha; Trà Thị Kim Phê và cháu Trà Lê Thanh Phương, hai cháu Trà Thị Kim Pha; Trà Thị Kim Phê đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Trà Lê Thanh Phương anh Trà Văn H đồng ý giao con cho chị Lê Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng và chị Y cũng đồng ý nuôi con và cháu Trà Lê Thanh Phương cũng xin được ở với chị Y. Xét thấy việc nuôi con các đương sự đã tự thỏa thuận không có tranh chấp và cháu Phương cũng xin được ở với chị Y, nên ghi nhận và giao cháu Trà Lê Thanh Phương cho chị Lê Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Lê Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Lê Thị Y, anh Trà Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ và cho vay nợ : Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Lê Thị Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 27, Điều 131, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị Y và anh Trà Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trà Lê Thanh Phương cho chị Lê Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Trà Văn H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, chị Lê Thị Y cũng như những người khác không ai được quyền cấm cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Y, anh Trà Văn H không yêu cầu tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Y phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Y đã nộp theo biên lai thu số 0001492 ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Lê Thị Y đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trà Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Toàn